

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI THÉP VIỆT
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI THÉP VIỆT

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET STEEL TRADING MTV COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: THEP VIET TRADING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110320309

3. Ngày thành lập: 13/04/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đồng Bèn, Xã Đông Xuân, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0965149939

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
2.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
3.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
4.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa	4610
5.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (không hoạt động tại trụ sở)	4620
6.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
7.	Bán buôn thực phẩm (không bán thủy sản, sản phẩm gia súc, gia cầm tươi sống và sơ chế tại trụ sở chính)	4632
8.	Bán buôn đồ uống	4633
9.	Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc lào Chi tiết: bán buôn thuốc lá điều sản xuất trong nước	4634
10.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
11.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
12.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
13.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại Chi tiết: Loại trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng	4662(Chính)
14.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
15.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Trừ loại Nhà nước cấm	4669
16.	Dịch vụ đóng gói	8292

17.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng mà công ty kinh doanh	8299
18.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 10 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810
19.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản (Điều 62 Luật Kinh doanh bất động sản 2014) - Sàn giao dịch bất động sản (Điều 69 Luật Kinh doanh bất động sản 2014); - Dịch vụ tư vấn bất động sản (Điều 74 Luật Kinh doanh bất động sản 2014); - Dịch vụ quản lý bất động sản (Điều 75 Luật Kinh doanh bất động sản 2014)	6820
20.	Hoạt động tư vấn quản lý Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	7020
21.	Quảng cáo (không dập, cắt, gò, hàn, sơn tại trụ sở)	7310
22.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
23.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
24.	Bán buôn tổng hợp	4690
25.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (không bán hàng thủy sản, sản phẩm gia súc, gia cầm tươi sống và sơ chế tại trụ sở chính), bán lẻ thuốc lá điều sản xuất trong nước	4711
26.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket); Bán lẻ trong các cửa hàng tiện lợi (Minimarket); Bán lẻ trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp khác	4719
27.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
28.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh (không bán thủy sản, sản phẩm gia súc, gia cầm tươi sống và sơ chế tại trụ sở chính)	4722
29.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
30.	Sản xuất giày, dép	1520
31.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629

32.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu Chi tiết: Loại trừ sản xuất huy hiệu và huân chương quân đội bằng kim loại	2599
33.	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
34.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ Chi tiết: Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ	4784
35.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)	4791
36.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô	4933
37.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
38.	Bốc xếp hàng hóa	5224
39.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
40.	Cơ sở lưu trú khác Chi tiết: Kinh doanh khách sạn, biệt thự du lịch, căn hộ du lịch, tàu thủy lưu trú du lịch, nhà nghỉ du lịch, Nhà ở có phòng cho khách du lịch thuê (Điều 21 Nghị định 168/2017/NĐ-CP)	5590
41.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
42.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
43.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Loại trừ quán bar, vũ trường	5630
44.	Đại lý du lịch	7911
45.	Điều hành tua du lịch	7912
46.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
47.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
48.	Xây dựng nhà để ở	4101
49.	Xây dựng nhà không để ở	4102
50.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
51.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
52.	Xây dựng công trình điện	4221
53.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
54.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
55.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
56.	Phá dỡ Chi tiết: Không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn	4311
57.	Chuẩn bị mặt bằng Chi tiết: Không gồm dịch vụ nổ mìn, hoạt động rà phá bom, mìn	4312

